



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NHÀ  
VÀ ĐÔ THỊ IDICO (IDICO - UDICO)**

**BÁO CÁO TẬP CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**  
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2019



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NHÀ  
VÀ ĐÔ THỊ IDICO (IDICO - UDICO)**

**BÁO CÁO TẬP CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**  
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2019

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	3
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng Cân đối kế toán giữa niên độ	4 - 5
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	6
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	7
Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ	8 - 40

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị IDICO (IDICO - UDICO) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2019.

**CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị IDICO (IDICO - UDICO) là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Công ty Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị theo Quyết định số 2028/QĐ-BXD ngày 21/12/2004 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng, hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3600486108 do Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp ngày 16 tháng 2 năm 2005, sửa đổi lần 2 ngày 04 tháng 6 năm 2007, lần 3 ngày 24 tháng 6 năm 2010, lần 4 ngày 01 tháng 6 năm 2012 và thay đổi lần 5 ngày 30 tháng 7 năm 2015 với số vốn điều lệ là 80 tỷ đồng.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: IDICO URBAN AND HOUSE DEVELOPMENT INVESTMENT JOINTSTOCK COMPANY, tên viết tắt là: IDICO - UDICO..

Công ty hiện đang niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh. Mã cổ phiếu: UIC

Trụ sở chính tại Khu công nghiệp Nhơn Trạch 1, xã Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

**Hội đồng Quản trị**

Bà Trần Thúy Hương	Chủ tịch
Ông Trần Văn Phú	Thành viên
Ông Mai Quốc Chính	Thành viên
Ông Lê Đắc Mạnh	Thành viên
Ông Phan Văn Chính	Thành viên (từ nhiệm 25/4/2019)
Bà Hồ Thị Hải Hà	Thành viên (bổ nhiệm 25/4/2019)

Các thành viên Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

**Ban Giám đốc**

Ông Trần Văn Phú	Giám đốc
Ông Trần Cao Thắng	Phó Giám đốc
Ông Lê Đắc Mạnh	Phó Giám đốc
Ông Phạm Quốc Vượng	Phó Giám đốc

**CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỶ KẾ TOÁN**

Theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2019.

**KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2019 được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens.

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)**

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Công ty trong kỳ hoạt động. Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý các Báo cáo tài chính giữa niên độ để Báo cáo tài chính giữa niên độ không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi.
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Trần Văn Phú

Giám đốc

Đồng Nai, ngày 10 tháng 08 năm 2019

Số: 650/2019/BCSX-BCTC/CPA VIETNAM

**BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi:** Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị IDICO

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị IDICO, được lập ngày 10 tháng 8 năm 2019 từ trang 04 đến trang 40, bao gồm Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30/06/2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ.

**Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của Công ty thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

**Kết luận của Kiểm toán viên**

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/06/2019, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.



Phan Thành Nam

Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1009-2018-137-1

Giấy Ủy quyền số: 02/2019/UQ-CPA VIETNAM ngày 02/01/2019 của Chủ tịch HĐQT

Thay mặt và đại diện

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM**

Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens

Hà Nội, ngày 10 tháng 08 năm 2019

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NHÀ VÀ ĐÔ THỊ IDICO (IDICO - UDICO)**

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2019

Mẫu B01a - DN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019

TÀI SẢN	MS	TM	30/06/2019	01/01/2019
			VND	VND
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100 = 110+120+130+140+150)	<b>100</b>		<b>273.006.450.509</b>	<b>271.164.606.867</b>
I- Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	25.990.948.513	44.486.413.033
1. Tiền	111		24.631.829.352	44.486.413.033
2. Các khoản tương đương tiền	112		1.359.119.161	-
II- Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III- Các khoản phải thu ngắn hạn	130		162.938.798.570	137.064.849.566
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	137.615.506.618	128.895.419.413
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		24.495.871.850	7.363.821.600
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.3	827.420.102	805.608.553
IV- Hàng tồn kho	140	5.4	83.342.487.101	83.308.572.024
1. Hàng tồn kho	141		83.342.487.101	83.308.572.024
V- Tài sản ngắn hạn khác	150		734.216.325	6.304.772.244
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.5	439.176.793	151.205.999
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		242.933.820	2.848.883.078
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	5.6	52.105.712	3.304.683.167
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b> (200 = 210+220+230+240+250+260)	<b>200</b>		<b>194.698.028.862</b>	<b>186.837.988.364</b>
I Các khoản phải thu dài hạn	210		1.148.628.530	1.177.900.405
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	5.2	4.744.578.100	4.773.849.975
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		648.926.111	648.926.111
3. Phải thu dài hạn khác	216	5.3	705.973.910	705.973.910
4. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	5.7	(4.950.849.591)	(4.950.849.591)
II Tài sản cố định	220		122.248.982.991	130.015.421.378
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.8	122.248.982.991	130.015.421.378
- Nguyên giá	222		309.922.403.001	307.089.240.150
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(187.673.420.010)	(177.073.818.772)
III. Bất động sản đầu tư	230	5.9	7.249.787.447	7.689.316.493
1. Nguyên giá	231		16.046.366.973	16.046.366.973
2. Giá trị hao mòn lũy kế	232		(8.796.579.526)	(8.357.050.480)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		26.499.979.533	9.720.576.867
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.10	26.499.979.533	9.720.576.867
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	5.11	34.457.811.265	33.830.933.265
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		36.715.092.265	36.715.092.265
2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(2.257.281.000)	(2.884.159.000)
VI Tài sản dài hạn khác	260		3.092.839.096	4.403.839.956
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.5	1.834.456.824	3.145.457.684
2. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		1.258.382.272	1.258.382.272
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b> (270 = 100+200)	<b>270</b>		<b>467.704.479.371</b>	<b>458.002.595.231</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NHÀ VÀ ĐÔ THỊ IDICO (IDICO - UDICO)**

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2019

Mẫu B01a- DN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019

NGUỒN VỐN	MS	TM	30/06/2019	01/01/2019
			VND	VND
<b>A- NỢ PHẢI TRẢ</b> (300 = 310+330)	<b>300</b>		<b>199.456.775.105</b>	<b>193.640.025.428</b>
<b>I- Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>190.262.351.112</b>	<b>186.266.033.545</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.12	68.328.343.643	68.025.773.515
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		8.149.895.212	4.338.211.707
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.6	140.614.830	82.846.629
4. Phải trả người lao động	314		12.936.408.866	6.229.777.959
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.13	21.360.000	-
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	5.14	-	28.000.000
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.15	2.675.629.443	2.122.608.130
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.16	88.800.000.000	99.800.000.000
9. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		9.210.099.118	5.638.815.605
<b>II- Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>9.194.423.993</b>	<b>7.373.991.883</b>
1. Phải trả người bán dài hạn	331	5.12	295.079.246	295.079.246
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		3.015.493	3.015.493
3. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	5.14	133.705.254	135.897.144
4. Phải trả dài hạn khác	337	5.15	-	240.000.000
5. Vay và nợ và thuê tài chính dài hạn	338	5.16	8.762.624.000	6.700.000.000
<b>B- VỐN CHỦ SỞ HỮU</b> (400 = 410+430)	<b>400</b>		<b>268.247.704.266</b>	<b>264.362.569.803</b>
<b>I- Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>5.17</b>	<b>268.247.704.266</b>	<b>264.362.569.803</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		80.000.000.000	80.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		80.000.000.000	80.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		16.200.000.000	16.200.000.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		141.592.762.240	129.002.826.385
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		30.454.942.026	39.159.743.418
- LNST chưa PP lũy kế đến cuối kì trước	421a		1.715.846.050	-
- LNST chưa phân phối kì này	421b		28.739.095.976	39.159.743.418
<b>II- Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b> (440 = 300+400)	<b>440</b>		<b>467.704.479.371</b>	<b>458.002.595.231</b>

Người lập

Phạm Kiên Trung

Kế toán trưởng

Nguyễn Ngọc Minh

Đồng Nai, ngày 10 tháng 08 năm 2019

Giám đốc



Trần Văn Phú





**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2019

CHỈ TIÊU	MS	Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán
		6 tháng kết thúc ngày 30/06/2019 VND	6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018 VND
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	35.184.393.973	33.429.957.891
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định và BĐSĐT	02	11.039.130.284	10.675.245.319
- Các khoản dự phòng	03	(626.878.000)	173.537.000
- Lãi/lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(3.776.595.675)	(5.635.109.204)
- Chi phí lãi vay	06	1.043.877.534	1.407.836.207
3. Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động	08	42.863.928.116	40.051.467.213
- Biến động các khoản phải thu	09	(19.986.150.416)	3.517.633.039
- Biến động hàng tồn kho	10	(33.915.077)	7.106.782.303
- Biến động các khoản phải trả	11	7.685.339.482	(11.152.042.405)
- Biến động chi phí trả trước	12	1.023.030.066	(148.334.009)
- Tiền lãi vay đã trả	14	(1.043.877.534)	(1.407.836.207)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(3.000.000.000)	(4.700.000.000)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(4.482.678.000)	(3.133.200.000)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20	<i>23.025.676.637</i>	<i>30.134.469.934</i>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(19.612.565.517)	(12.264.045.053)
2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	3.776.595.675	5.635.109.204
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30	<i>(15.835.969.842)</i>	<i>(6.628.935.849)</i>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ di sản	33	215.962.624.000	137.930.946.500
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(224.900.000.000)	(124.430.946.500)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(16.747.795.315)	(23.919.463.275)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40	<i>(25.685.171.315)</i>	<i>(10.419.463.275)</i>
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)</i>	50	<i>(18.495.464.520)</i>	<i>13.086.070.810</i>
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	44.486.413.033	7.901.191.975
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	25.990.948.513	20.987.262.785

Người lập

Kế toán trưởng

Đồng Nai, ngày 10 tháng 08 năm 2019  
 Giám đốc

Phạm Kiên Trung

Nguyễn Ngọc Minh

Trần Văn Phú

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NHÀ VÀ ĐÔ THỊ IDICO (IDICO - UDICO)

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2019

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Mẫu B 09 a - DN

### 1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

#### 1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị IDICO (IDICO - UDICO) là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Công ty Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị theo Quyết định số 2028/QĐ-BXD ngày 21 tháng 12 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3600486108 do Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp ngày 16 tháng 2 năm 2005, giấy phép đăng ký kinh doanh sửa đổi lần 2 ngày 4 tháng 6 năm 2007, lần 3 ngày 24 tháng 6 năm 2010 lần 4 ngày 01 tháng 6 năm 2012 và thay đổi lần 5 ngày 30 tháng 7 năm 2015 với số vốn điều lệ là 80 tỷ đồng.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: IDICO URBAN AND HOUSE DEVELOPMENT INVESTMENT JOINTSTOCK COMPANY

Tên Công ty viết tắt là: IDICO - UDICO.

Công ty hiện đang niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh. Mã cổ phiếu: UIC

Sở hữu vốn:

Cổ đông	Số cổ phần	VND	Tỷ lệ sở hữu
Tổng Công ty IDICO - CTCP	4.080.000	40.800.000.000	51%
Các cổ đông khác	3.920.000	39.200.000.000	49%
<b>Tổng</b>	<b>8.000.000</b>	<b>80.000.000.000</b>	<b>100%</b>

Địa chỉ đăng ký: Khu công nghiệp Nhơn Trạch 1, xã Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2019 là 123 người (tại 31 tháng 12 năm 2018: 125 người).

#### 1.2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh theo giấy phép đăng ký kinh doanh của Công ty:

Đầu tư phát triển và kinh doanh nhà, cơ sở hạ tầng kỹ thuật đô thị, khu dân cư, khu công nghiệp, khu kinh tế, các công trình thủy điện, nhiệt điện; Kinh doanh dịch vụ kỹ thuật trong các khu công nghiệp và đô thị; Xây dựng công trình dân dụng; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; Xây dựng công trình công nghiệp, kỹ thuật hạ tầng; Xây dựng công trình giao thông; Xây dựng công trình thủy lợi; Lắp đặt máy móc thiết bị phục vụ xây dựng; Kinh doanh điện, nước; Lắp đặt các thiết bị cơ điện cho công trình dân dụng và công nghiệp; Lắp đặt các thiết bị cơ điện lạnh cho công trình dân dụng và công nghiệp; Khai thác mỏ, chế biến vật liệu xây dựng; Kinh doanh nguyên liệu, nhiên liệu (xăng, dầu); Kinh doanh các thiết bị cơ điện và cơ điện lạnh cho công trình dân dụng và công nghiệp; Kinh doanh vật liệu xây dựng; Vận chuyển hàng hóa; Khai thác, chế biến các loại quặng kim, khoáng sản từ quặng titan; Bán buôn các loại quặng, khoáng sản; Thiết kế và thi công các công trình đường dây và trạm biến thế, thiết kế hệ thống cung cấp điện hạ thế, hệ thống cấp thoát nước trong các khu công nghiệp, đô thị, khu dân cư. Tư vấn thiết kế và đầu tư xây dựng. Thiết kế kết cấu công trình dân dụng và công nghiệp. Thiết kế các công trình điện có cấp điện áp  $\leq 35KV$ . Thiết kế hệ thống điện công trình dân dụng và công nghiệp. Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện công trình dân dụng và công nghiệp, giao thông đường bộ; Phá dỡ; Chuẩn bị mặt bằng; Hoàn thiện công trình xây dựng; Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác;

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ: kinh doanh điện năng trong khu công nghiệp, thiết kế và thi công các công trình hạ tầng khu công nghiệp, xây dựng dân dụng.

**1.3 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành; Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 về việc bổ sung một số điều của Thông tư 200/2014/TT-BTC, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính là có thể so sánh được.

**1.4 Cấu trúc doanh nghiệp**

Tại ngày 30/06/2019, Công ty có các đơn vị trực thuộc như sau:

<u>Tên công ty</u>	<u>Hoạt động chính</u>
<b>Đơn vị trực thuộc</b>	
Xi nghiệp Lắp máy điện nước	Cung cấp điện
Xi nghiệp Phát triển nhà số 5	Xây lắp dân dụng
Xi nghiệp Xây lắp dân dụng và công nghiệp số 6	Xây lắp dân dụng

**2. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

**Kỳ kế toán**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Kỳ kế toán giữa niên độ bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06.

**3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014; Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 về việc bổ sung một số điều của Thông tư 200/2014/TT-BTC và Chuẩn mực kế toán Việt Nam có liên quan do Bộ Tài chính ban hành.

**Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực, liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2019.

**Hình thức kế toán áp dụng**

Công ty sử dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

#### 4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

##### **Cơ sở lập Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

##### **Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền: Bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn)

Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh thu-chi.

*Tương đương tiền:* Là các khoản đầu tư ngắn hạn, tiền gửi có kỳ hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, gửi tiền có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

##### **Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính**

Các khoản đầu tư khác: Được ghi nhận theo phương pháp giá gốc

##### **Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư**

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư dài hạn khác được trích lập khi các công ty này bị lỗ dẫn đến nhà đầu tư có khả năng mất vốn hoặc khoản dự phòng do suy giảm giá trị các khoản đầu tư vào các công ty này.. Mức trích lập dự phòng tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế theo hướng dẫn tại Thông tư 89/2013/TT-BTC ngày 28/6/2013.

Đối với các khoản đầu tư khác, việc trích lập dự phòng tổn thất căn cứ vào giá trị hợp lý của khoản đầu tư tại thời điểm trích lập, trong trường hợp không xác định được giá trị hợp lý việc lập dự phòng căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư.

##### **Nguyên tắc kế toán nợ phải thu**

Các khoản Nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản Nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng và phải thu khác được ghi nhận theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán, Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận phù hợp với chuẩn mực doanh thu về thời điểm ghi nhận căn cứ theo hóa đơn, chứng từ phát sinh.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không mang tính thương mại.

Các khoản phải thu được phân loại là Ngắn hạn và Dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

**Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp bình quân gia quyền.

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang cuối kỳ bao gồm các chi phí vật tư trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sử dụng máy thi công, chi phí sản xuất chung phát sinh lũy kế đến ngày kết thúc giai đoạn liên quan đến giá thành sản phẩm xây lắp và hàng hóa bất động sản. Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang cuối kỳ còn bao gồm giá thành của các nhà thầu phụ và của các xí nghiệp được khoán thi công đã thực hiện hoàn thành nhưng chưa được xác định tiêu thụ trong năm tài chính.

**Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình và vô hình**

Công ty quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ theo hướng dẫn tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013, và Thông tư 147/2016/TT-BTC ngày 13 tháng 10 năm 2016 sửa đổi, bổ sung Thông tư 45/2013/TT-BTC quy định về quản lý tài sản cố định.

a. **Nguyên tắc kế toán**

**Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được phân ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong kỳ.

b. **Phương pháp khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2019
	Số năm
<b>Nhà xưởng và vật kiến trúc</b>	
<i>Trạm điện</i>	13
<i>Đường dây điện</i>	12
<i>Nhà cửa, vật kiến trúc khác</i>	20
<b>Máy móc và thiết bị</b>	
<i>Máy biến áp và thiết bị trạm điện</i>	10
<i>Máy móc, thiết bị khác</i>	05
<b>Phương tiện vận tải</b>	06
<b>Thiết bị, dụng cụ quản lý</b>	03

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

**Nguyên tắc kế toán và khấu hao Bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư của công ty tại 30/06/2019 gồm Chung cư 5 tầng 01 và Chung cư 5 tầng 02 dùng để cho công nhân và cán bộ nhân viên trong khu công nghiệp thuê. Thời gian hữu dụng ước tính để tính khấu hao là 10 năm.

Nguyên giá của bất động sản đầu tư bao gồm toàn bộ các chi phí (tiền và tương đương tiền) mà Công ty bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của của các khoản khác đưa ra trao đổi để có được bất động sản đầu tư tính tới thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành Bất động sản đầu tư đó.

Các chi phí liên quan đến Bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu phải được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho Bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá Bất động sản đầu tư.

Khấu hao: Bất động sản đầu tư cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để trừ dần nguyên giá tài sản qua suốt thời gian hữu dụng ước tính.

Thanh lý: Lãi và lỗ do thanh lý bất động sản đầu tư được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước**

Chi phí trả trước phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.

Chi phí trả trước: được ghi nhận theo giá gốc và được phân loại theo ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ vào thời gian trả trước của từng hợp đồng.

**Nguyên tắc kế toán Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay, và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết).
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

**Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính**

Bao gồm các khoản tiền vay, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Công ty theo dõi các khoản vay chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực Kế toán Chi phí đi vay.

**Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay**

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay".

**Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Công ty ghi nhận chi phí phải trả theo các nội dung chi phí chính sau:

- Chi phí nhân công, vật tư, nhiên liệu: trích trước theo hồ sơ dự toán trên cơ sở khối lượng công việc hoàn thành

**Vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận chưa phân phối xác định trên cơ sở kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và việc phân phối lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Lợi nhuận sau thuế của Công ty được trích chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được phê duyệt bởi Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty và sau khi đã trích lập các quỹ dự trữ theo Điều lệ của Công ty.

Cổ tức được công bố và chi trả dựa trên số lợi nhuận ước tính đạt được. Cổ tức chính thức được công bố và chi trả trong niên độ kế tiếp từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty



4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

**Ghi nhận doanh thu**

**Doanh thu kinh doanh điện năng**

Doanh thu kinh doanh điện năng được ghi nhận trên cơ sở sản lượng điện tiêu thụ thực tế đo lường thông qua công cụ đo đếm điện năng được khách hàng chấp thuận thanh toán

**Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

**Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

**Hợp đồng xây dựng**

Doanh thu và chi phí của hợp đồng xây dựng được ghi nhận như sau:

Công ty được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng không thể ước tính một cách đáng tin cậy, trường hợp Công ty có thể thu hồi được các khoản chi phí của hợp đồng đã bỏ ra thì doanh thu hợp đồng được ghi nhận chỉ tới mức các chi phí đã bỏ ra có khả năng thu hồi. Khi đó, không một khoản lợi nhuận nào được ghi nhận, kể cả khi tổng chi phí thực hiện hợp đồng có thể vượt quá tổng doanh thu của hợp đồng.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

**Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán**

Bao gồm giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư bán trong kỳ (kể cả chi phí khấu hao; chi phí sửa chữa; chi phí nghiệp vụ cho thuê BĐS đầu tư theo phương thức cho thuê hoạt động, chi phí nhượng bán, thanh lý BĐS đầu tư....) được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã tiêu thụ trong kỳ.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

- Các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính:

- Lỗ do góp vốn đầu tư ra bên ngoài: Được ghi nhận theo nguyên tắc thực tế phát sinh.
- Lỗ đầu tư chứng khoán : Được lập cho từng loại chứng khoán được niêm yết và chưa niêm yết trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách.

- Chi phí đi vay: Ghi nhận hàng tháng căn cứ trên khoản vay, lãi suất vay và số ngày vay thực tế.

- Chi phí lỗ tỷ giá hối đoái: Được ghi nhận khi có sự chênh lệch giữa tỷ giá giao dịch thực tế và tỷ giá ghi sổ kế toán và khi có phát sinh lỗ khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ.

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại và các loại thuế khác**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong kỳ tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại: là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc: ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm; hoãn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước; không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế phù hợp với quy định về pháp luật thuế hiện hành.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)****Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ sau khi trừ đi phần trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi.

**Các bên liên quan**

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp kể cả Công ty Mẹ (Tổng Công ty IDICO - CTCP) và các công ty con của Công ty Mẹ, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

**Báo cáo bộ phận**

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Giám đốc cho rằng Công ty hoạt động trong các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là Kinh doanh điện năng, Xây lắp, Đầu tư và kinh doanh Bất động sản, và lĩnh vực khác gồm có kinh doanh vật tư, thiết kế, chiếm tỷ trọng nhỏ trong hoạt động của Công ty. Báo cáo bộ phận sẽ được lập theo lĩnh vực kinh doanh.

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ****5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	30/06/2019	01/01/2019
	VND	VND
Tiền mặt	1.730.308.149	1.129.750.711
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	22.901.521.203	43.356.662.322
Tương đương tiền (*)	1.359.119.161	-
<b>Cộng</b>	<b>25.990.948.513</b>	<b>44.486.413.033</b>

(\*) Tương đương tiền là khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng của Ngân hàng TMCP An Bình Chi nhánh Đồng Nai, lãi suất theo quy định của ngân hàng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NHÀ VÀ ĐÔ THỊ IDICO (IDICO - UDICO)**

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2019

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09 a - DN

**5.2 Phải thu khách hàng**

	30/06/2019 VND	01/01/2019 VND
<b>a) Phải thu của khách hàng ngắn hạn</b>	<b>137.615.506.618</b>	<b>128.895.419.413</b>
Công ty Cổ phần dệt Texhong Nhơn Trạch	15.855.291.283	16.026.822.614
Công ty Hualon Corporation Việt Nam	17.160.543.885	9.988.419.710
Các đối tượng còn lại	104.599.671.450	102.880.177.089
<b>b) Phải thu của khách hàng dài hạn</b>	<b>4.744.578.100</b>	<b>4.773.849.975</b>
Phải thu các khách hàng còn lại	4.744.578.100	4.773.849.975
<i>Trong đó số dư các bên liên quan</i>	<i>12.109.078.946</i>	<i>14.790.809.569</i>
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Vật liệu IDICO	2.718.190.569	2.849.114.461
Công ty TNHH MTV Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp IDICO	3.150.165.765	1.169.226.931
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Lắp máy IDICO	165.325.056	200.938.060
Chi nhánh Tổng Công ty IDICO - CTCP tại Miền Đông	407.648.781	409.653.097
Công ty cổ phần đầu tư xây dựng số 10 IDICO	21.519.779	21.519.779
Tổng Công ty IDICO - CTCP	5.646.228.996	10.140.357.241
<b>Cộng</b>	<b>142.360.084.718</b>	<b>133.669.269.388</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NHÀ VÀ ĐỒ THỊ IDICO (IDICO - UDICO)**

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2019

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09 a - DN

**5.3 Phải thu khác**

	30/06/2019 (VND)		01/01/2019 (VND)	
	Giá trị ghi số	Dự phòng	Giá trị ghi số	Dự phòng
a) Ngân hạn	827.420.102	-	805.608.553	-
Tạm ứng	79.000.000	-	29.000.000	-
Phải thu khác (*)	748.420.102	-	776.608.553	-
b) Dài hạn	705.973.910	270.417.403	705.973.910	270.417.403
Tạm ứng	51.622.896	51.622.896	51.622.896	51.622.896
Phải thu khác (**)	654.351.014	218.794.507	654.351.014	218.794.507
<b>Cộng</b>	<b>1.533.394.012</b>	<b>270.417.403</b>	<b>1.511.582.463</b>	<b>270.417.403</b>

**Ngân hạn khác (\*)**

Phải trả khác

Phí trước bạ

Công ty CP Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị IDICO

Công ty CP XD Nền móng Sông Đà Thăng Long Miền Nam

Công ty TNHH Trường Nam

Công ty TNHH TM DV & XD Phan Vũ

Công ty Cổ phần Xây dựng Thanh Xuân

Hội đồng bồi thường thành phố Biên Hòa

Đào Công Thắng

Phạm Quốc Bình

Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT - CN HCM

**30/06/2019 (VND)**

Giá trị ghi số	Dự phòng	Giá trị ghi số	Dự phòng
748.420.102	-	776.608.553	-
33.986.788	-	33.986.788	-
19.160.380	-	27.097.934	-
93.832.961	-	110.982.961	-
81.207.769	-	81.207.769	-
338.180.909	-	338.180.909	-
19.790.909	-	19.790.909	-
147.165.848	-	147.165.848	-
14.400.000	-	14.400.000	-
-	-	1.466.220	-
-	-	1.246.630	-
694.538	-	1.082.585	-

**01/01/2019 (VND)**

Giá trị ghi số	Dự phòng	Giá trị ghi số	Dự phòng
776.608.553	-	776.608.553	-
33.986.788	-	33.986.788	-
27.097.934	-	27.097.934	-
110.982.961	-	110.982.961	-
81.207.769	-	81.207.769	-
338.180.909	-	338.180.909	-
19.790.909	-	19.790.909	-
147.165.848	-	147.165.848	-
14.400.000	-	14.400.000	-
1.466.220	-	1.466.220	-
1.246.630	-	1.246.630	-
1.082.585	-	1.082.585	-

Handwritten notes in red ink, including a date stamp: 21/08/2019.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NHÀ VÀ ĐỒ THỊ IDICO (IDICO - UDICO)**

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2019

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09 a - DN

**5.3 Phải thu khác (Tiếp theo)**

	30/06/2019 (VND)		01/01/2019 (VND)	
	Giá trị ghi số	Dự phòng	Giá trị ghi số	Dự phòng
<b>Dài hạn khác (**)</b>	<b>654.351.014</b>	<b>218.794.507</b>	<b>654.351.014</b>	<b>218.794.507</b>
Công ty TNHH Xuân Bình	102.109.973	102.109.973	102.109.973	102.109.973
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng số 10 IDICO	37.583.984	37.583.984	37.583.984	37.583.984
Cty TNHH DV Chiến Thắng	67.750.550	67.750.550	67.750.550	67.750.550
Công ty ông thép Sài Gòn	11.350.000	11.350.000	11.350.000	11.350.000
Doanh nghiệp tư nhân Minh Hà	214.600.141	-	214.600.141	-
Công ty TNHH XD TM và SX Long Hải	17.778.454	-	17.778.454	-
Ngô Quang Trung	102.848.420	-	102.848.420	-
Công ty CP ĐT và XD Miền Nam	48.081.492	-	48.081.492	-
Công ty TNHH MTV ô tô Trần Thành	52.248.000	-	52.248.000	-
<b>Cộng</b>	<b>654.351.014</b>	<b>218.794.507</b>	<b>654.351.014</b>	<b>218.794.507</b>

**5.4 Hàng tồn kho**

	30/06/2019 (VND)		01/01/2019 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	3.627.177.352	-	2.982.007.741	-
Công cụ, dụng cụ	74.037.516	-	81.860.502	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	79.641.272.233	-	80.244.703.781	-
<b>Cộng</b>	<b>83.342.487.101</b>	<b>-</b>	<b>83.308.572.024</b>	<b>-</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NHÀ VÀ ĐỒ THỊ IDICO (IDICO - UDICO)**

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2019

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09 a - DN

**5.5 Chi phí trả trước**

	30/06/2019	01/01/2019
	VND	VND
a) Ngân hạn	439.176.793	151.205.999
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	154.946.130	151.205.999
Các khoản khác	284.230.663	-
<b>b) Dài hạn</b>	<b>1.834.456.824</b>	<b>3.145.457.684</b>
Các khoản khác	1.834.456.824	3.145.457.684
<b>Cộng</b>	<b>2.273.633.617</b>	<b>3.296.663.683</b>

**5.6 Thuế và nghĩa vụ với Ngân sách Nhà nước**

	01/01/2019	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	30/06/2019
	(VND)			(VND)
<b>Phải nộp</b>	<b>82.846.629</b>	<b>4.410.750.594</b>	<b>4.352.982.393</b>	<b>140.614.830</b>
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	3.140.614.830	3.000.000.000	140.614.830
Thuế thu nhập cá nhân	82.846.629	1.264.135.764	1.346.982.393	-
Các loại thuế khác	-	6.000.000	6.000.000	-
<b>Phải thu</b>	<b>3.304.683.167</b>	<b>3.304.683.167</b>	<b>52.105.712</b>	<b>52.105.712</b>
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	3.304.683.167	3.304.683.167	-	-
Thuế thu nhập cá nhân nộp thừa	-	-	52.105.712	52.105.712

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NHÀ VÀ ĐÓ THỊ IDICO (IDICO - UDICO)**

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2019

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09 a - DN

**5.7 Nợ xấu**

30/06/2019 (VND)		01/01/2019 (VND)	
Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
3.944.304.715	-	3.944.304.715	-
1.006.544.876	-	1.006.544.876	-
<b>4.950.849.591</b>	<b>-</b>	<b>4.950.849.591</b>	<b>-</b>

Công ty TNHH Phương Nga

Các đối tượng khác còn lại

**Cộng**

*Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi*

*Trong đó:*

Công ty TNHH Phương Nga

Khách hàng khác

Quá hạn 6th - 1 năm	Quá hạn 1 - 2 năm	Quá hạn 2 - 3 năm	Quá hạn trên 3 năm
-	-	-	3.944.304.715
-	-	-	1.006.544.876





**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NHÀ VÀ ĐỒ THỊ IDICO (IDICO - UDICO)**  
 Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2019

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

**5.8 Tài sản cố định hữu hình**

Mẫu B 09 a - DN

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Số dư tại 01/01/2019	119.681.067.158	178.274.299.362	7.642.344.457	1.491.529.173	307.089.240.150
Tăng trong kỳ	801.105.454	1.108.541.033	923.516.364	-	2.833.162.851
Mua trong kỳ	-	-	923.516.364	-	923.516.364
Đầu tư XDCB hoàn thành	801.105.454	1.108.541.033	-	-	1.909.646.487
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
<b>Số dư tại 30/06/2019</b>	<b>120.482.172.612</b>	<b>179.382.840.395</b>	<b>8.565.860.821</b>	<b>1.491.529.173</b>	<b>309.922.403.001</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
Số dư tại 01/01/2019	38.963.021.836	130.840.395.614	6.165.907.110	1.104.494.212	177.073.818.772
Tăng trong kỳ	4.437.411.612	5.820.628.516	255.788.260	85.772.850	10.599.601.238
Khấu hao trong kỳ	4.437.411.612	5.820.628.516	255.788.260	85.772.850	10.599.601.238
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
<b>Số dư tại 30/06/2019</b>	<b>43.400.433.448</b>	<b>136.661.024.130</b>	<b>6.421.695.370</b>	<b>1.190.267.062</b>	<b>187.673.420.010</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Tại ngày 01/01/2019	80.718.045.322	47.433.903.748	1.476.437.347	387.034.961	130.015.421.378
Tại ngày 30/06/2019	77.081.739.164	42.721.816.265	2.144.165.451	301.262.111	122.248.982.991

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng vẫn còn sử dụng với giá trị tại 30/06/2019 là 82.506.360.682 đồng (tại 31/12/2018 là 83.095.694.929 đồng).

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NHÀ VÀ ĐỒ THỊ IDICO (IDICO - UDICO)**

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2019

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09 a - DN

**5.9 Bất động sản đầu tư**

Khoản mục	Số đầu kỳ VND	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Số cuối kỳ VND
a) Bất động sản đầu tư cho thuê	16.046.366.973	-	-	16.046.366.973
Nguyên giá				
- Nhà	8.538.454.666	-	-	8.538.454.666
Nhà 05 tầng số 1	7.507.912.307	-	-	7.507.912.307
Chung cư 5 tầng số 2	8.357.050.480	439.529.046	-	8.796.579.526
Giá trị hao mòn lũy kế				
- Nhà	4.382.352.953	237.566.944	-	4.619.919.897
Nhà 05 tầng số 1	3.974.697.527	201.962.102	-	4.176.659.629
Chung cư 5 tầng số 2	7.689.316.493	-	439.529.046	7.249.787.447
Giá trị còn lại				
- Nhà	4.156.101.713	-	237.566.944	3.918.534.769
Nhà 05 tầng số 1	3.533.214.780	-	201.962.102	3.331.252.678
Chung cư 5 tầng số 2				

Theo quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 05 - *Bất động sản đầu tư*, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư cần được đánh giá và thuyết minh trên Báo cáo tài chính giữa niên độ. Để xác định được giá trị hợp lý này, Công ty sẽ phải thuê một Công ty tư vấn độc lập đánh giá giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư. Tuy nhiên, Công ty hiện chưa tìm được công ty tư vấn phù hợp để thực hiện công việc này. Theo đó, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 30 tháng 06 năm 2019 chưa được trình bày trên Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NHÀ VÀ ĐÔ THỊ IDICO (IDICO - UDICO)**

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2019

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09 a - DN

**5.10 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	30/06/2019	01/01/2019
	VND	VND
<b>b) Chi xây dựng cơ bản dở dang</b>	<b>26.499.979.533</b>	<b>9.720.576.867</b>
Khu công nghiệp Sơn Mỹ 2 - tỉnh Bình Thuận	5.153.993.780	5.153.993.780
Thay cáp trần bằng cáp bọc đường 5A,5C-KCN 2	5.790.964.600	-
Đầu tư khắc phục sự cố của TBA 110/22kV Tuy Hạ	12.541.839.507	-
Hệ thống lưới điện phân phối 22 KV thay đường dây 22 KV cáp trần bằng cáp bọc đường số 1,3,6,10,12-Lộ 478,481 KCN Nhơn Trạch I	2.796.936.600	2.796.936.600
Đầu tư trạm biến áp 110/22kV - KCN Nhơn Trạch V	-	1.574.568.305
Các công trình khác	216.245.046	195.078.182
<b>Cộng</b>	<b>26.499.979.533</b>	<b>9.720.576.867</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NHÀ VÀ ĐÔ THỊ IDICO (IDICO - UDICO)**

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2019

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09 a - DN

**5.11 Đầu tư tài chính dài hạn**

Đầu tư vào đơn vị khác	30/06/2019 (VNĐ)		01/01/2019 (VNĐ)	
	Tỷ lệ Vốn nắm giữ (%)	Số lượng	Giá gốc	Giá hợp lý
Đầu tư vào đơn vị khác				
Công ty Cổ phần Đầu tư Khu công nghiệp Đầu khi Long Sơn (PXL) (*)	0,29%	237.100	36.715.092.265	32.819.306.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng IDICO (HTT) (**)	10,00%	2.494.920	27.699.849.300	29.440.056.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Lắp máy IDICO (***)	4,81%	264.424	2.644.242.965	2.644.240.000
Công ty Cổ phần ĐT Đô thị và KCN Quê Võ IDICO (****)	5,00%	400.000	4.000.000.000	4.000.000.000
<b>Cộng</b>			<b>36.715.092.265</b>	<b>32.819.306.000</b>
			<b>2.257.281.000</b>	<b>2.884.159.000</b>

(\*) Giá trị hợp lý của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Thương mại Dầu khí IDICO (PXL) được xác định căn cứ vào giá UpCom trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội tại ngày 28/6/2019 theo giá bình quân là 6.100 đồng x 237.100 Cổ phiếu.

(\*\*) Giá trị hợp lý của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng IDICO (HTT) được xác định căn cứ vào giá Niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh tại ngày 28/6/2019 theo giá đóng cửa là 11.150 đồng x 2.494.920 Cổ phiếu.

(\*\*\*) Giá trị hợp lý của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Lắp máy IDICO (LMD) được xác định căn cứ vào giá UpCom trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội tại ngày 28/6/2019 theo giá bình quân là 9.500 đồng x 264.424 Cổ phiếu.

(\*\*\*\*) Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của khoản đầu tư chưa Niêm yết đối với Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Đô thị và KCN Quê Võ IDICO để thuyết minh trong Báo cáo tài chính giữa niên độ do không có giá Niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về việc sử dụng các kỹ thuật định giá trong việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư dài hạn.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NHÀ VÀ ĐỒ THỊ IDICO (IDICO - UDICO)**

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2019

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09 a - DN

**5.12 Phải trả người bán**

	30/06/2019 (VND)		01/01/2019 (VND)	
	Giá trị ghi số	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi số	Số có khả năng trả nợ
a) Ngắn hạn				
Công ty TNHH MTV Điện Lực Đồng Nai	68.328.343.643	68.328.343.643	68.025.773.515	68.025.773.515
Các đối tượng còn lại	48.220.826.750	48.220.826.750	49.297.989.100	49.297.989.100
b) Dài hạn	20.107.516.893	20.107.516.893	18.727.784.415	18.727.784.415
Các đối tượng phải trả	295.079.246	295.079.246	295.079.246	295.079.246
<b>Cộng</b>	<b>68.623.422.889</b>	<b>68.623.422.889</b>	<b>68.320.852.761</b>	<b>68.320.852.761</b>

**5.13 Chi phí phải trả**

	30/06/2019	01/01/2019
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Sửa chữa tự điện hạ thế, bổ sung bãi tiếp địa TBA Công ty TNHH White Glove	21.360.000	-
Cộng	21.360.000	-

**5.14 Doanh thu chưa thực hiện**

	30/06/2019	01/01/2019
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Các khoản doanh thu chưa thực hiện khác	-	28.000.000
b) Dài hạn		
Các khoản doanh thu chưa thực hiện khác	133.705.254	135.897.144
Cộng	133.705.254	163.897.144

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NHÀ VÀ ĐÔ THỊ IDICO (IDICO - UDICO)**  
 Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2019

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09 a - DN

**5.15 Phải trả khác**

	30/06/2019	01/01/2019
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>2.675.629.443</b>	<b>2.122.608.130</b>
Kinh phí công đoàn	691.771.250	717.195.222
Bảo hiểm xã hội	76.514.667	-
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	320.000.000	-
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	386.500.290	334.295.605
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.200.843.236	1.071.117.303
<b>b) Dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>240.000.000</b>
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	-	240.000.000
<b>Cộng</b>	<b>2.675.629.443</b>	<b>2.362.608.130</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NHÀ VÀ ĐÔ THỊ IDICO (IDICO - UDICO)**

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2019

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09 a - DN

**5.16 Vay và nợ thuế tài chính**

	30/06/2019 (VND)		Trong kỳ		01/01/2019 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Vay và nợ thuế tài chính ngân hàng	88.800.000.000	88.800.000.000	213.900.000.000	224.900.000.000	99.800.000.000	99.800.000.000
<i>Vay ngắn hạn ngân hàng</i>						
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển VN	80.000.000.000	80.000.000.000	209.500.000.000	220.500.000.000	91.000.000.000	91.000.000.000
- Chi nhánh Đồng Đăng Nai						
<i>Vay và nợ dài hạn đến hạn trả</i>						
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển VN	8.800.000.000	8.800.000.000	4.400.000.000	4.400.000.000	8.800.000.000	8.800.000.000
- Chi nhánh Đồng Đăng Nai (*)						
c) Vay và nợ và thuế tài chính dài hạn	8.762.624.000	8.762.624.000	6.462.624.000	4.400.000.000	6.700.000.000	6.700.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển VN	8.762.624.000	8.762.624.000	6.462.624.000	4.400.000.000	6.700.000.000	6.700.000.000
- Chi nhánh Đồng Đăng Nai (*)						
<b>Cộng</b>	<b>97.562.624.000</b>	<b>97.562.624.000</b>	<b>220.362.624.000</b>	<b>229.300.000.000</b>	<b>106.500.000.000</b>	<b>106.500.000.000</b>

**(\*) Vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đồng Đăng Nai**

Theo hợp đồng tín dụng số 01/2016/380626/HDTĐ ký ngày 20/09/2016

Mục đích vay

Đầu tư mở rộng, nâng công suất trạm biến áp 110/22kV Nhơn Trạch 5

Thời hạn vay

Theo từng giấy đề nghị giải ngân kiểm hợp đồng tín dụng cụ thể, 38 tháng kể từ ngày ký hợp đồng.

Lãi suất vay

Được quy định trong từng giấy đề nghị giải ngân kiểm hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ.

Hình thức đảm bảo tiền vay

Bảo đảm bằng tài sản: Tất cả các tài sản hình thành trong tương lai từ dự án vay vốn.

Số dư gốc vay tại ngày 30/06/2019

11.100.000.000 đồng (đã bao gồm vay và nợ dài hạn đến hạn trả là 8.800.000.000 đồng)

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NHÀ VÀ ĐỒ THỊ IDICO (IDICO - UDICO)**

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2019

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09 a - DN

(\*) **Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đồng Động Nai**

Số tiền được vay Theo hợp đồng tính dụng số 01/2018/380626/HĐTD ký ngày 09/11/2018

Mục đích vay

Đầu tư thay thế máy biến áp 63MVA-3T trạm biến áp 110/22KV Tuy Hạ

Thời hạn vay

48 tháng, thời gian ân hạn khoản vay là 12 tháng

Lãi suất vay

Áp dụng lãi suất thả nổi theo quy định của Ngân hàng tại thời điểm giải ngân và được điều chỉnh 6 tháng/lần vào ngày 01 tháng đầu tiên của kỳ điều chỉnh lãi suất kể từ ngày ký Hợp đồng tín dụng theo thông báo lãi suất của Ngân hàng.

Hình thức đảm bảo tiền vay

Bảo đảm bằng tài sản: Tất cả các tài sản hình thành trong tương lai từ dự án vay vốn.

Số dư gốc vay tại ngày 30/06/2019

6.462.624.000 đồng.



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NHÀ VÀ ĐÔ THỊ IDICO (IDICO - UDICO)**  
 Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2019

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09 a - DN

**5.17 Vốn chủ sở hữu**

**a. Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư tại 01/01/2018	80.000.000.000	16.200.000.000	72.885.613.677	87.984.961.008	257.070.574.685
Tăng trong năm	-	-	56.117.212.708	50.359.743.418	106.476.956.126
Lãi hoạt động kinh doanh	-	-	-	50.359.743.418	50.359.743.418
Phân phối lợi nhuận	-	-	56.117.212.708	-	56.117.212.708
Giảm trong năm	-	-	-	99.184.961.008	99.184.961.008
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	56.117.212.708	56.117.212.708
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	7.867.748.300	7.867.748.300
Chia cổ tức năm 2017	-	-	-	24.000.000.000	24.000.000.000
Tam ứng cổ tức năm 2018	-	-	-	11.200.000.000	11.200.000.000
<b>Số dư tại 31/12/2018</b>	<b>80.000.000.000</b>	<b>16.200.000.000</b>	<b>129.002.826.385</b>	<b>39.159.743.418</b>	<b>264.362.569.803</b>
Số dư tại 01/01/2019	80.000.000.000	16.200.000.000	129.002.826.385	39.159.743.418	264.362.569.803
Tăng trong kỳ	-	-	12.589.935.855	28.739.095.976	41.329.031.831
Lãi kinh doanh trong kỳ	-	-	-	28.739.095.976	28.739.095.976
Phân phối lợi nhuận	-	-	12.589.935.855	-	12.589.935.855
Giảm trong kỳ	-	-	-	37.443.897.368	37.443.897.368
Trích quỹ đầu tư phát triển (*)	-	-	-	12.589.935.855	12.589.935.855
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi (*)	-	-	-	7.553.961.513	7.553.961.513
Chia cổ tức năm 2018 (*)	-	-	-	16.800.000.000	16.800.000.000
Khen thưởng HĐQT, Ban điều hành (*)	-	-	-	500.000.000	500.000.000
<b>Số dư tại 30/06/2019</b>	<b>80.000.000.000</b>	<b>16.200.000.000</b>	<b>141.592.762.240</b>	<b>30.454.942.026</b>	<b>268.247.704.266</b>

(\*) Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội Đồng cổ đông thường niên ngày 25 tháng 4 năm 2019, Công ty trích quỹ đầu tư phát triển 25% lợi nhuận sau thuế, trích quỹ khen thưởng phúc lợi 15%/lợi nhuận sau thuế, quỹ khen thưởng HĐQT, Ban điều hành là 500.000.000 đồng; chi trả cổ tức năm 2018 với tỷ lệ 35% trên vốn điều lệ.



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NHÀ VÀ ĐÔ THỊ IDICO (IDICO - UDICO)**

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2019

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09 a - DN

**5.17 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)**

**b. Chi tiết vốn chủ sở hữu**

	30/06/2019 VND	01/01/2019 VND
Tổng Công ty IDICO - CTCP	40.800.000.000	40.800.000.000
Vốn góp của tổ chức, cá nhân khác	39.200.000.000	39.200.000.000
<b>Cộng</b>	<b>80.000.000.000</b>	<b>80.000.000.000</b>

**c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2019 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018 VND
Vốn góp tại ngày 01 tháng 01	80.000.000.000	80.000.000.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp tại ngày 30 tháng 06	80.000.000.000	80.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia trong kỳ	16.800.000.000	24.000.000.000

**d. Cổ phiếu**

	30/06/2019 Cổ phiếu	01/01/2019 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	8.000.000	8.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	8.000.000	8.000.000
Cổ phiếu phổ thông	8.000.000	8.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/CP)	10.000	10.000

**d. Các quỹ doanh nghiệp**

	30/06/2019 VND	01/01/2019 VND
Quỹ đầu tư phát triển	141.592.762.240	129.002.826.385
<b>Cộng</b>	<b>141.592.762.240</b>	<b>129.002.826.385</b>

**5.18 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2019 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018 VND
Doanh thu kinh doanh điện năng	1.278.835.610.276	1.175.167.970.284
Doanh thu hoạt động xây lắp	23.095.717.496	37.373.288.011
Doanh thu đầu tư kinh doanh bất động sản	2.635.241.504	6.313.522.667
Doanh thu hàng hóa, dịch vụ khác	2.259.882.824	6.082.938.841
<b>Cộng</b>	<b>1.306.826.452.100</b>	<b>1.224.937.719.803</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NHÀ VÀ ĐÔ THỊ IDICO (IDICO - UDICO)**

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2019

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09 a - DN

**5.19 Giá vốn hàng bán**

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2019 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018 VND
Giá vốn kinh doanh điện năng	1.240.163.201.821	1.139.533.100.991
Giá vốn hoạt động xây dựng	21.967.267.640	36.534.311.046
Giá vốn đầu tư, kinh doanh bất động sản	2.085.088.307	5.701.744.586
Giá vốn hàng hóa, dịch vụ khác	1.741.042.099	5.483.213.393
<b>Cộng</b>	<b>1.265.956.599.867</b>	<b>1.187.252.370.016</b>

**5.20 Doanh thu hoạt động tài chính**

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2019 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	782.691.675	1.144.253.204
Cổ tức, lợi nhuận được chia	2.993.904.000	4.490.856.000
<b>Cộng</b>	<b>3.776.595.675</b>	<b>5.635.109.204</b>

**5.21 Chi phí hoạt động tài chính**

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2019 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018 VND
Lãi tiền vay	1.043.877.534	1.407.836.207
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	(626.878.000)	173.537.000
<b>Cộng</b>	<b>416.999.534</b>	<b>1.581.373.207</b>

**5.22 Chi phí bán hàng**

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2019 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018 VND
Chi phí nhân viên	310.489.676	291.031.080
Chi phí dịch vụ mua ngoài	-	56.720.240
<b>Cộng</b>	<b>310.489.676</b>	<b>347.751.320</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NHÀ VÀ ĐÔ THỊ IDICO (IDICO - UDICO)**

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2019

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09 a - DN

**5.23 Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2019 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018 VND
Chi phí nhân viên quản lý	5.376.506.190	5.050.950.106
Chi phí vật liệu quản lý	230.476.409	217.861.300
Chi phí đồ dùng văn phòng	77.029.000	84.310.673
Chi phí khấu hao TSCĐ	341.561.110	531.448.181
Thuế phí và lệ phí	252.157.908	275.482.056
Chi phí dịch vụ mua ngoài	778.872.805	973.855.392
Chi phí bằng tiền khác	1.753.822.574	862.109.976
<b>Cộng</b>	<b>8.810.425.996</b>	<b>7.996.017.684</b>

**5.24 Thu nhập/chi phí khác**

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2019 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018 VND
<i>Thu nhập khác</i>		
Các khoản khác	75.861.271	34.641.111
<b>Cộng</b>	<b>75.861.271</b>	<b>34.641.111</b>
<i>Chi phí khác</i>		
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
Lợi nhuận khác	75.861.271	34.641.111

**5.25 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2019 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018 VND
1.1 Lợi nhuận kế toán trước thuế	35.184.393.973	33.429.957.891
<i>Điều chỉnh tăng</i>	<i>36.000.000</i>	<i>24.000.000</i>
<i>Điều chỉnh giảm</i>	<i>2.993.904.000</i>	<i>4.490.856.000</i>
Thu nhập chịu thuế	32.226.489.973	28.963.101.891
<i>Thuế suất thuế TNDN áp dụng</i>	<i>20%</i>	<i>20%</i>
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	6.445.297.997	5.792.620.379
Thuế TNDN hiện hành	6.445.297.997	5.792.620.379

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NHÀ VÀ ĐÔ THỊ IDICO (IDICO - UDICO)**

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2019

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09 a - DN

**5.26 Lãi trên cơ bản cổ phiếu**

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2019 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	28.739.095.976	27.637.337.512
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	28.739.095.976	27.637.337.512
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phiếu)	8.000.000	8.000.000
Số trích Quỹ khen thưởng phúc lợi (*)	4.310.864.397	4.026.980.757
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)</b>	<b>3.054</b>	<b>2.951</b>

(\*) Theo Nghị quyết Đại hội Đồng cổ đông thường niên ngày 25/4/2019, Công ty trích quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2018 với tỷ lệ 15% trên lợi nhuận sau thuế và quỹ khen thưởng HĐQT, Ban điều hành là 500.000.000 đồng, tương ứng với số tiền là 8.053.961.513 đồng (ước cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018 là 4.026.980.757 đồng). Theo đó, ước tính cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2019 là 4.310.864.397 đồng (ước tính 15% lợi nhuận sau thuế kỳ kế toán 6 tháng kết thúc 30/06/2019)

**5.27 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2019 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	492.128.897	18.866.640.387
Chi phí nhân công	19.078.678.871	16.713.948.591
Chi phí khấu hao tài sản cố định	11.039.130.284	10.675.245.319
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.218.171.546.865	1.149.086.111.503
Chi phí khác bằng tiền	1.753.822.574	1.055.147.276
<b>Cộng</b>	<b>1.250.535.307.491</b>	<b>1.196.397.093.076</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NHÀ VÀ ĐÔ THỊ IDICO (IDICO - UDICO)**

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2019

Mẫu B 09 a - DN

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)****6. THÔNG TIN KHÁC****6.1** Giao dịch và số dư với các bên liên quan**a.** Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát và Thư ký HĐQT:

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2019 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018 VND
---------------	---------------------	--	--

Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát và Thư ký HĐQT	Thu nhập tư lương, thưởng và các khoản khác	3.324.535.850	2.283.697.000
---	---	---------------	---------------

**b.** Giao dịch với các bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2019 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018 VND
---------------	-------------	---------------------	--	--

**Giao dịch mua**

1. Công ty TNHH MTV Phát triển Đô thị và Khu Công nghiệp IDICO

Đơn vị cùng Tổng IDICO	Tiền nước	120.163.668	128.843.798
	Tiền thuê lại đất	20.905.173	20.905.173

2. Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển vật liệu IDICO

Đơn vị cùng Tổng IDICO	Xăng dầu	128.029.154	90.262.764
------------------------	----------	-------------	------------

**Cộng**

		<b>269.097.995</b>	<b>240.011.735</b>
--	--	--------------------	--------------------

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NHÀ VÀ ĐÔ THỊ IDICO (IDICO - UDICO)**

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2019

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09 a - DN

**6.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan (Tiếp theo)**

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2019 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018 VND
<b>Giao dịch bán</b>				
1. Chi nhánh Tổng Công ty IDICO - CTCP tại Miền Đông	Chi nhánh - Công ty mẹ	Cung cấp điện	2.075.449.153	2.093.395.643
2. Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Vật liệu IDICO	Đơn vị cùng Tổng IDICO	Cung cấp điện	1.206.481.923	1.076.989.830
3. Công ty TNHH MTV Phát triển Đô thị và Khu Công nghiệp IDICO	Đơn vị cùng Tổng IDICO	Cung cấp điện Xây lắp Thiết bị đo lường	5.938.280.904 1.897.204.769 -	5.826.743.447 -
4. Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Lắp máy IDICO	Đơn vị cùng Tổng IDICO	Cung cấp điện	868.271.146	713.800.639
5. Tổng Công ty IDICO - CTCP	Công ty mẹ	Giá trị xây lắp Cung cấp vật tư	- -	12.415.483.636 4.055.459.359
<b>Cộng</b>			<b>11.985.687.895</b>	<b>26.204.672.554</b>
<b>Bên liên quan</b>				
<b>Giao dịch khác</b>				
1. Tổng Công ty IDICO - CTCP	Công ty mẹ	Cổ tức	8.568.000.000	12.240.000.000
2. Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng IDICO	Đơn vị cùng Tổng IDICO	Cổ tức	2.993.904.000	4.490.856.000
<b>Cộng</b>			<b>11.561.904.000</b>	<b>16.730.856.000</b>







**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NHÀ VÀ ĐÔ THỊ IDICO (IDICO - UDICO)**

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2019

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09 a - DN

**6.2 Báo cáo bộ phận**

Công ty lập Báo cáo bộ phận theo 4 bộ phận phân theo lĩnh vực kinh doanh gồm: Kinh doanh điện năng, Xây lắp, Đầu tư và kinh doanh Bất động sản và lĩnh vực khác gồm có kinh doanh vật tư, thiết kế, thẩm kế chiếm tỷ trọng nhỏ trong hoạt động của Công ty

**Tài sản bộ phận và nợ bộ phận tại ngày 30 tháng 06 năm 2018**

TÀI SẢN	Đầu tư, kinh doanh Bất động sản			Tổng (VND)
	Kinh doanh điện	Xây lắp	Khác	
Tài sản cố định	133.181.814.132	-	-	141.310.659.671
Xây dựng cơ bản dở dang	2.264.303.442	-	5.694.691.053	7.958.994.495
Các khoản phải thu	96.445.262.607	33.734.246.914	920.085.697	137.973.177.741
Hàng tồn kho	-	91.042.313.741	-	91.042.313.741
Tài sản không thể phân bổ	-	-	-	63.897.169.172
<b>Tổng tài sản</b>				<b>442.182.314.820</b>
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>				
Các khoản phải trả	44.505.020.150	22.722.949.086	20.150.488.154	88.442.150.923
Phải trả tiền vay	100.900.000.000	-	-	100.900.000.000
<b>Tổng nợ phải trả</b>				<b>189.342.150.923</b>

**Báo cáo Kết quả bộ phận cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018**

	Đầu tư, kinh doanh Bất động sản			Tổng (VND) Trình bày lại
	Kinh doanh điện	Xây lắp	Khác	
Tổng doanh thu	1.175.167.970.284	37.373.288.011	6.082.938.841	1.224.937.719.803
Kết quả kinh doanh bộ phận	26.057.478.402	838.976.965	599.725.448	27.760.207.576
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	-	-	-	27.760.207.576
Lợi nhuận từ các khoản đầu tư	-	-	-	5.635.109.204
Lợi nhuận khác	-	-	-	34.641.111
Lợi nhuận kế toán trước thuế	-	-	-	33.429.957.891
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-	(5.792.620.379)
<b>Lợi nhuận trong kỳ</b>				<b>27.637.337.512</b>

**6.3 Báo cáo bộ phận (Tiếp theo)**

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NHÀ VÀ ĐÓ THỊ IDICO (IDICO - UDICO)**

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2019

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09 a - DN

Tài sản bộ phận và nợ bộ phận tại ngày 30 tháng 06 năm 2019

	Kinh doanh điện	Xây lắp	Đầu tư, kinh doanh Bất động sản	Khác	Tổng (VND) Trình bày lại
<b>TÀI SẢN</b>					
Tài sản cố định	122.248.982.991	-	7.249.787.447	-	129.498.770.438
Xây dựng cơ bản dở dang	21.345.985.753	-	-	5.153.993.780	26.499.979.533
Các khoản phải thu	110.174.773.228	46.042.009.409	6.398.769.239	1.471.875.224	164.087.427.100
Hàng tồn kho	2.563.729.472	6.996.564.264	75.038.538.121	2.037.516	84.600.869.373
Tài sản không thể phân bổ	-	-	-	-	63.017.432.927
<b>Tổng tài sản</b>					<b>467.704.479.371</b>
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>					
Các khoản phải trả	48.220.826.750	27.856.618.269	1.476.353.966	24.340.352.120	101.894.151.105
Phải trả tiền vay	97.562.624.000	-	-	-	97.562.624.000
<b>Tổng nợ phải trả</b>					<b>199.456.775.105</b>

Báo cáo Kết quả bộ phận cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2019

	Kinh doanh điện	Xây lắp	Đầu tư, kinh doanh Bất động sản	Khác	Tổng (VND)
<b>DOANH THU</b>					
Tổng doanh thu	1.278.835.610.276	23.095.717.496	2.635.241.504	2.259.882.824	1.306.826.452.100
Kết quả kinh doanh bộ phận	29.444.982.925	1.128.449.856	239.663.521	518.840.725	31.331.937.027
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	-	-	-	-	31.331.937.027
Lợi nhuận từ các khoản đầu tư	-	-	-	-	3.776.595.675
Lợi nhuận khác	-	-	-	-	75.861.271
Lợi nhuận kế toán trước thuế	-	-	-	-	35.184.393.973
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-	-	(6.445.297.997)
<b>Lợi nhuận trong kỳ</b>					<b>28.739.095.976</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NHÀ VÀ ĐÔ THỊ IDICO (IDICO - UDICO)**

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2019

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09 a - DN

**6.4 Thông tin so sánh**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 đã được kiểm toán và Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018 đã được soát xét.

*Đồng Nai, ngày 10 tháng 08 năm 2019*

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc



Phạm Kiên Trung

Nguyễn Ngọc Minh

Trần Văn Phú

